

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 73/2016/NQ-HĐND9

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ thu, nộp lệ phí
hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 4329/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí:

Cá nhân đăng ký các việc hộ tịch, trừ những trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

2. Đối tượng được miễn lệ phí hộ tịch:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo (theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương); người khuyết tật;

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

3. Đối tượng được giảm 50% lệ phí hộ tịch:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số;

b) Đăng ký hộ tịch cho trẻ em;

c) Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi.

4. Cơ quan thu lệ phí hộ tịch:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

5. Mức thu lệ phí hộ tịch (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND7 ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

CHỦ TỊCH
Đã ký: Phạm Văn Cảnh

Phụ lục**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH**

(Kèm theo Nghị quyết số 73/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

| STT | Nội dung đăng ký hộ tịch | Mức thu |
|-----------|---|------------------------|
| I | MỨC THU ĐỐI VỚI VIỆC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN | |
| 1 | Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 5.000 đồng/trường hợp |
| 2 | Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử | 5.000 đồng/trường hợp |
| 3 | Đăng ký lại kết hôn | 20.000 đồng/trường hợp |
| 4 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | 10.000 đồng/trường hợp |
| 5 | Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước | 10.000 đồng/trường hợp |
| 6 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | 3.000 đồng/trường hợp |
| 7 | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác | 5.000 đồng/trường hợp |
| II | MỨC THU ĐỐI VỚI VIỆC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ | |
| 1 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 50.000đồng/trường hợp |

| | | |
|---|---|---------------------------|
| 2 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử | 50.000đồng/trường hợp |
| 3 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn | 1.000.000 đồng/trường hợp |
| 4 | Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài | 50.000 đồng/trường hợp |
| 5 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 1.000.000đồng/trường hợp |
| 6 | Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc. | 25.000 đồng/trường hợp |
| 7 | Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài | 25.000 đồng/trường hợp |
| 8 | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | 50.000 đồng/trường hợp |
| 9 | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác | 50.000 đồng/trường hợp |